

LIÊN BANG NGA

A/Tự nhiên, dân cư và xã hội

B/Kinh tế

- * Diện tích: 17,1 triệu km²
- * Dân số: 143,0 triệu người (2005)
- * Thủ đô: Mat-xcơ-va





Quốc Kỳ



Quốc Huy

A/ Tự nhiên, dân cư và xã hội

I. Vị trí địa lí và lãnh thổ.



Vị trí tiếp giáp:

- **Phía Bắc:** Bắc Băng Dương.
- **Phía Tây và Nam:** Biển Đen, biển Ca-xpi và 14 quốc gia.
- **Phía Đông:** Thái Bình Dương.

I. Vị trí địa lí và lãnh thổ.



Diện tích: 17,098,246 triệu Km² , lớn nhất thế giới
Lãnh thổ trải dài từ phần Đông Âu đến hết Bắc Á, kéo dài trên 11 múi giờ.

Diện tích bề mặt của toàn nước Nga là khoảng 17,1 triệu km^2 , trong khi đó bề mặt diện tích sao Diêm Vương chỉ tầm 16,6 triệu Km^2 . Điều đó chứng tỏ, Nga rộng lớn đến nỗi to hơn cả 1 hành tinh trong vũ trụ.



17M KM^2



16.6M KM^2

I. Vị trí địa lí và lãnh thổ.

Thuận lợi khó khăn của vị trí địa lí



II. Điều kiện tự nhiên.



II. Điều kiện tự nhiên.

1. Địa hình

a. Phía Tây

- Gồm đồng bằng Đông Âu, đồng bằng Tây Xi-bia, dãy núi U-ran và 1 số vùng trũng.

❖ Đồng bằng Đông Âu.

Tương đối cao, xen lẫn nhiều đồi thấp, đất đai màu mỡ.

-> Là nơi trồng cây lương thực, thực phẩm và là nguồn chăn nuôi chính của Liên Bang Nga.



II. Điều kiện tự nhiên.

❖ *Đồng bằng Tây Xi-bia*

Chủ yếu là đầm lầy, nông nghiệp chỉ tiến triển ở miền Nam, không thuận lợi cho việc phát triển nông nghiệp.



Hình 8.10. Phân bố sản xuất nông nghiệp LB Nga

II. Điều kiện tự nhiên.

- Tuy nhiên, đồng bằng Xi-bia lại tập trung nhiều khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, khí tự nhiên



II. Điều kiện tự nhiên.

❖ *Dãy núi U-ran.*

Giàu khoáng sản (than đá, quặng sắt, kim loại màu,...) là ranh giới tự nhiên của 2 lục địa Á – Âu.



II. Điều kiện tự nhiên.

b. Khu vực phía Đông.

- Phần lớn là núi và cao nguyên
⇒ Không thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi



- Bù lại, có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, lâm sản và trữ năng thủy điện lớn.



II. Điều kiện tự nhiên.

2. Khoáng sản

Khoáng sản	Trữ lượng	Xếp hạng trên thế giới
Than đá (tỉ tấn)	6000	1
Dầu mỏ (tỉ tấn)	9,5	2
Khí tự nhiên (tỉ m ³)	56000	2
Quặng sắt (tỉ tấn)	70	2
Quặng Kali (tỉ tấn)	3,6	1

Một số khoáng sản chính của LB Nga năm 2004

- *Khoáng sản có trữ lượng khoáng sản và năng lượng lớn nhất thế giới.*
- *Là 1 siêu cường năng lượng.*



Rừng Tai-ga, Rừng lá kim





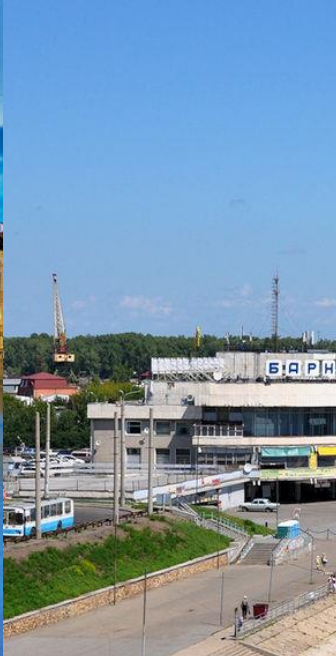
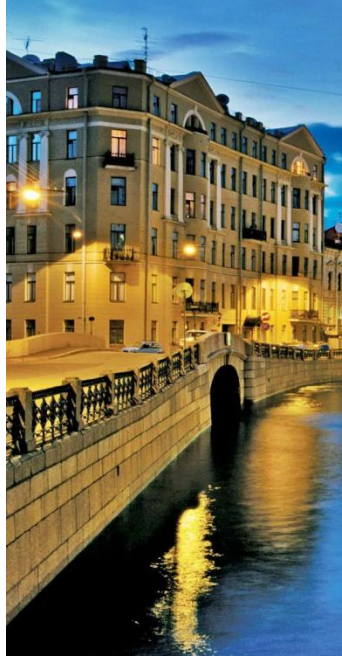
II. Điều kiện tự nhiên.

3. Rừng.



- Diện tích rừng: chiếm 49, 40% so với diện tích rừng của thế giới.(2012)

⇒ Là quốc gia có trữ lượng rừng lớn nhất trên thế giới





Baikal



Ladoga



Biển hồ Caxpi



II. Điều kiện tự nhiên.

4. Sông, hồ

- Liên Bang Nga có nhiều sông lớn, có giá trị về nhiều mặt.
- Có nhiều hồ tự nhiên và nhân tạo, trong đó, hồ của Nga chiếm 1/4 lượng nước ngọt không đóng băng của thế giới.



II. Điều kiện tự nhiên.

5. Khí hậu



II. Điều kiện tự nhiên.

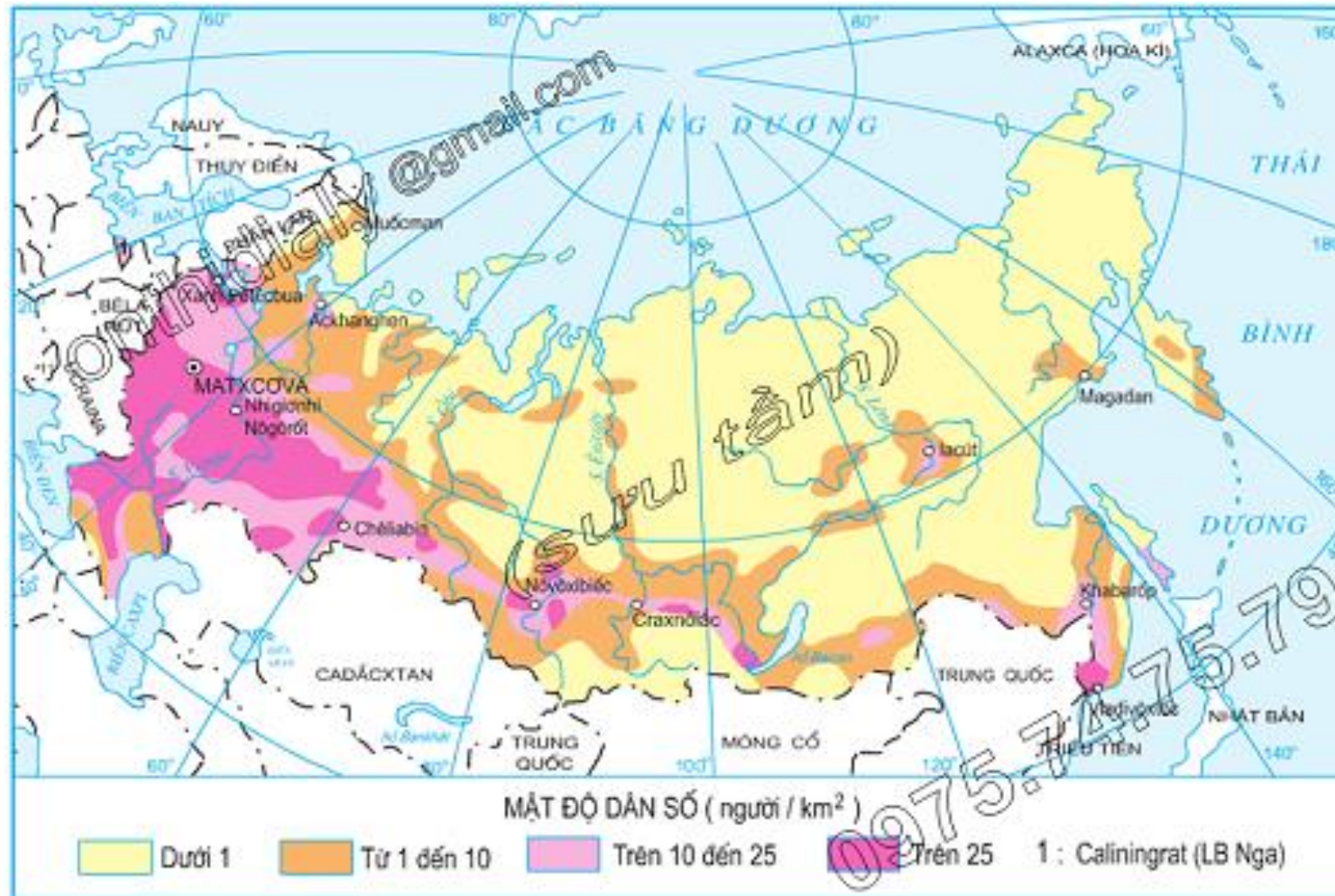
5. Khí hậu.

- Hơn 80% lãnh thổ LB Nga nằm ở vành đai khí hậu ôn đới.
- Phía Bắc có khí hậu cận cực lạnh giá
- 4% diện tích lãnh thổ (ở phía Nam) có khí hậu cận nhiệt.



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

Dựa vào hình, nhận xét sự phân bố dân cư của LB Nga ?



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư.

- Dân số hiện tại của Nga là 143.840.032 người (13/11/2019)
- Nga đang đứng thứ 9 trên thế giới về dân số.
- Mật độ dân số của Nga là 9 người/km²



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

1. Dân cư.

Liên Bang Nga là 1 đất nước có nhiều dân tộc (100 dân tộc):

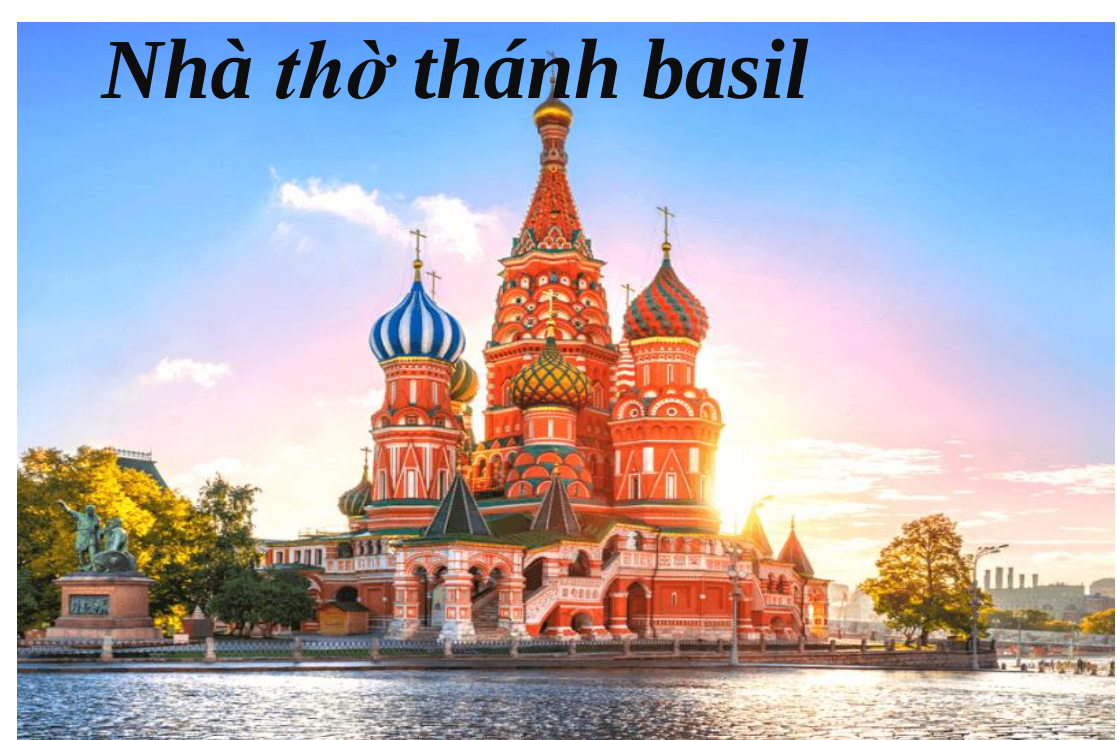
- 80% dân số là người Nga.



- Ngoài ra, còn có người Tác-ta, Chu-vát, Bát-xkia,...

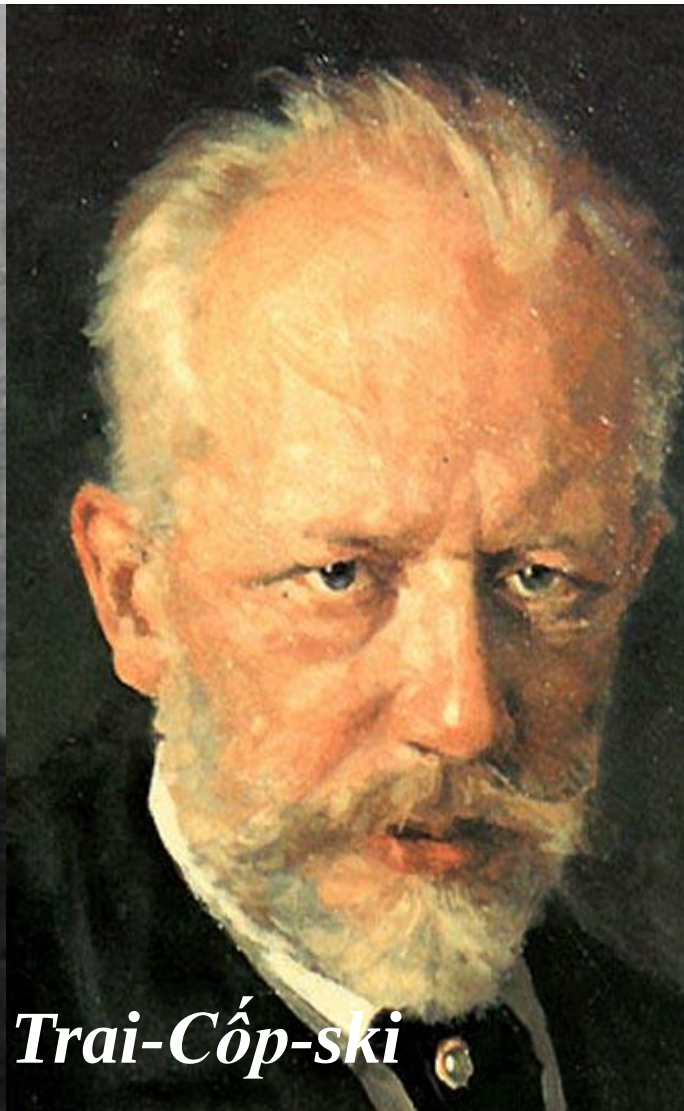
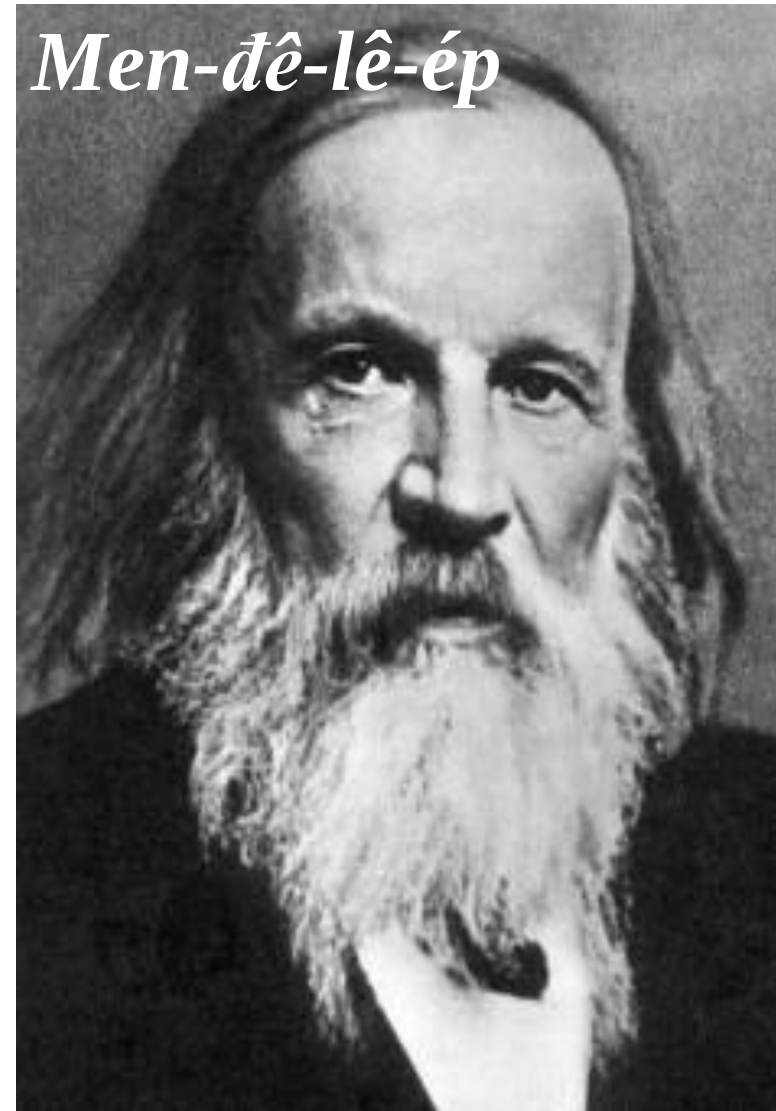
III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

2. Xã hội (Học sinh tự học)



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

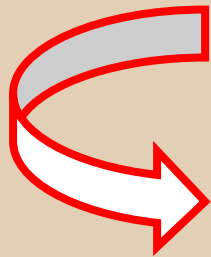
2. Xã hội (Học sinh tự học)



III. DÂN CƯ VÀ XÃ HỘI

2. Xã hội (học sinh tự học)

- Liên Bang Nga có tiềm lực lớn về khoa học và văn hóa có giá trị cao.
- Đứng đầu thế giới về các ngành khoa học cơ bản.
- Tỷ lệ biết chữ đến 99%.



Là yếu tố thuận lợi giúp Liên Bang Nga tiếp thu ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật của thế giới và thu hút đầu tư nước ngoài.

